

*Nội dung 7 & 8*

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI  
VÀ  
LƯỢNG TIỀN CUNG ỨNG

# KẾT CẤU NỘI DUNG 7 & 8

---

1. Các tác nhân ảnh hưởng đến quá trình cung ứng tiền tệ
2. Cơ chế tạo tiền của NHTM

cuu duong than cong. com

# CÁC TÁC NHÂN ẢNH HƯỞNG QUÁ TRÌNH CUNG ỨNG TIỀN

---

1. NHTW
2. Những TGTC (NHTM)
3. Những người gửi tiền
4. Những người vay tiền

# CƠ CHẾ TẠO TIỀN CỦA NHTM

---

1. Mối liên hệ giữa TG & R – Mô hình số nhân tiền đơn ( $m_d$ )
2. Thái độ của người gửi tiền & các NHTM – Mô hình số nhân tiền mở rộng ( $m$ )

cuu duong than cong. com



# CHÚ Ý

---

Khi tham gia vào quá trình tạo tiền các NHTM phải hoạt động như một hệ thống thống nhất

cuu duong than cong. com

# MÔ HÌNH SỐ NHÂN ĐƠN

## - SỐ NHÂN TIỀN ĐƠN ( $m_d$ )

1. Điều kiện phân tích mô hình số nhân đơn
  - Thu nhập ( $Y$ )  $\rightarrow D$
  - Dự trữ vượt quá ( $ER$ )  $= 0$
2. Mô hình: bắt đầu từ  $R$  tăng lên 100 triệu VND,  $R_d = 10\% \rightarrow$  những thay đổi tiền tệ trong hệ thống ngân hàng & nền kinh tế (*xem side tiếp*)

# MÔ HÌNH SỐ NHÂN ĐƠN VÍ DỤ CỤ THỂ

C      NH A      N		C      NH B      N	
R    10		D + 100	R + 9         D + 90
ER' + 90		ER' + 81	
C      NH C      N		C      NH D      N	
R + 8,1		D + 81	R + 7,29         D + 72,9
ER' + 72,9		ER' + 65,61	

.....

# MÔ HÌNH SỐ NHÂN ĐƠN

## - SỐ NHÂN TIỀN ĐƠN ( $m_d$ ) tiếp

Các NH	$\Delta D$	$\Delta ER'$	$\Delta R$
A	100,00	90,00	10,00
B	90,00	81,00	9,00
C	81,00	72,90	8,10
D	72,90	65,61	7,29
E	65,61	59,05	6,56
G	59,05	53,13	5,91
.			
.			
.			
$\Sigma$ Tất cả NH	1000,00	900,00	100,00



# MÔ HÌNH SỐ NHÂN ĐƠN

## - SỐ NHÂN TIỀN ĐƠN ( $m_d$ ) tiếp

---

Lương hoá quá trình tạo bội số tiền gửi

$$\Delta D_1 = 90,0 \text{ tr.VND} = \Delta R$$

$$\Delta D_2 = 81,0 \text{ tr.VND} = \Delta R(1 - R_d)$$

$$\Delta D_3 = 72,9 \text{ tr.VND} = \Delta R(1 - R_d)^2$$

·

·

·

---

$$\Delta D = \Delta D_1 + \Delta D_2 + \Delta D_3 + \dots$$

$$\Delta D = \Delta R + \Delta R(1 - R_d) + \Delta R(1 - R_d)^2 + \dots^9$$

# MÔ HÌNH SỐ NHÂN ĐƠN

## - SỐ NHÂN TIỀN ĐƠN ( $m_d$ ) tiếp

---

$$\Delta D = \Delta R + \Delta R(1 - R_d) + \Delta R(1 - R_d)^2 + \dots$$

$$\Delta D = \Delta R \{ 1 + (1 - R_d) + (1 - R_d)^2 + \dots \}$$

$$\Delta D = \Delta R * (1/R_d)$$

&  $(1/R_d)$  là  $m_d$

$$m_d = 1/R_d$$

# MÔ HÌNH SỐ NHÂN ĐƠN

## - SỐ NHÂN TIỀN ĐƠN ( $m_d$ ) tiếp

Phân tích số nhân đơn bằng phương pháp đại số

$$R = RR + ER$$

$$ER = 0$$

$$\rightarrow R = RR$$

$$\text{hay } R = R_d * D$$

$$\rightarrow D = R * 1/R_d$$

$$\rightarrow \Delta D = \Delta R * 1/R_d$$

$$\rightarrow m_d = 1/R_d$$

# THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI GỬI TIỀN & NHTM - SỐ NHÂN TIỀN MỞ RỘNG (m)

## 1. Các khái niệm

- $MB = C + R$  → cơ số tiền
- $C$  → tiền mặt trong lưu thông
- $R$  → dự trữ trong hệ thống NH
- $RR$  → dự trữ bắt buộc
- $R_d$  → tỷ lệ dự trữ bắt buộc
- $ER$  → dự trữ vượt quá
- $C/D$  → tỷ lệ tiền mặt/tiền gửi
- $ER/D$  → tỷ lệ dự trữ vượt quá
- $M_1 = C + D$  → mức cung ứng tiền

## 2. Biến đổi đại số

# THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI GỬI TIỀN & NHTM SỐ NHÂN TIỀN MỞ RỘNG (m) tiếp

## BIẾN ĐỔI ĐẠI SỐ

$$\begin{aligned} MB &= C + R = C + RR + ER = C + (R_d * D) + ER \\ &= (C * D/D) + (R_d * D) + (ER * D/D) \\ &= D * (C/D + R_d + ER/D) \end{aligned}$$

$$\rightarrow D = MB * (1/(C/D + R_d + ER/D))$$

$$M_1 = C + D = (C * D/D) + D = D * (C/D + 1)$$

$$M_1 = MB * (C/D + 1)/(C/D + R_d + ER/D)$$

# THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI GỬI TIỀN & NHTM SỐ NHÂN TIỀN MỞ RỘNG (m) tiếp

## SỐ NHÂN TIỀN MỞ RỘNG (*thực tế*)

- $M_1 = MB * (C/D + 1)/(C/D + R_d + ER/D)$
- Gọi  $m = (C/D + 1)/(C/D + R_d + ER/D)$  là số nhân tiền mở rộng (*thực tế*)

$$\rightarrow M_1 = MB * m$$

- Ý nghĩa số nhân tiền: *khi cơ số tiền tăng lên bao nhiêu đơn vị lượng cung ứng tiền sẽ tăng lên bấy nhiêu đơn vị nhân với số nhân tiền*



# NHTM & QUÁ TRÌNH CUNG ỨNG TIỀN

---

1. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến  $M_1$  qua số nhân tiền
2. Vai trò của NHTM đến cung ứng tiền

cuu duong than cong. com

# CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN $M_1$ QUA SỐ NHÂN TIỀN

---

- $C/D$  (*tỷ lệ tiền mặt/tiền gửi*)
- $R_d$  (*tỷ lệ dự trữ bắt buộc*)
- $ER/D$  (*tỷ lệ dự trữ vượt quá*)

cuu duong than cong. com





C/D

---

QUAN HỆ

NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG

\* Thu nhập

\* Dự tính lợi tức của 1 tài sản

+ Lãi suất của tiền gửi giao dịch

+ Các vụ hoảng loạn của NH

+ Kinh tế ngầm

+ Thuế thu nhập

+ Lễ, tết

Nghịch

## VÍ DỤ

### QUAN HỆ NGHỊCH GIỮA (C/D) & (m)

1. Từ kết quả bài tập 3 trang 131 HLBB số 1 ta có  $m = [(0,2 + 1)/(0,2 + 0,1 + 0,1)] = (1,2/0,4) = \mathbf{3,0}$
2. Nếu tăng C/D từ (0,2) lên (0,4)  $\rightarrow$  m sẽ thay đổi  $m' = [(0,4 + 1)/(0,4 + 0,1 + 0,1)] = (1,4/0,6) \sim \mathbf{2,33}$
3. Như vậy khi C/D tăng  $\rightarrow$  m giảm là quan hệ nghịch

# $R_d$

---

## 1. QUAN HỆ

- Nghịch
- Ví dụ: từ kết quả của bài tập 3 trang 131 HLBĐ số 1, thay đổi  $R_d$  từ 10% lên 20%  
→ m thay đổi từ  
→  $m = [(0,2 + 1)/(0,2 + 0,1 + 0,1)] = (1,2/0,4) = 3,0$   
→  $m' = [(0,2 + 1)/(0,2 + 0,2 + 0,1)] = (1,2/0,5) = 2,4$

## 2. NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG → CSTT của Chính phủ (NHTW)

# ER/D

---

## QUAN HỆ

Nghịch

## NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG

- \* Lãi suất thị trường ( $i$ )
- \* Dòng tiền rút ra dự tính
- \* Lãi suất chiết khấu ( $i_{CK}$ )

cuu duong than cong. com

## VÍ DỤ

# QUAN HỆ NGHỊCH GIỮA (ER/D) & (m)

1. Từ kết quả bài tập 3 trang 131 HLBB số 1 ta có  $m = [(0,2 + 1)/(0,2 + 0,1 + 0,1)] = (1,2/0,4) = \mathbf{3,0}$
2. Nếu tăng ER/D từ (0,1) lên (0,2)  $\rightarrow$  m sẽ thay đổi  $m' = [(0,2 + 1)/(0,2 + 0,1 + 0,2)] = (1,2/0,5) = \mathbf{2,4}$
3. Như vậy khi ER/D tăng  $\rightarrow$  m giảm là quan hệ nghịch

# TỔNG HỢP TẤT CẢ CÁC NHÂN TỐ

---

1. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc ( $R_d$ )
2. Lãi suất chiết khấu ( $i_{CK}$ )
3. Của cải (wealth)
4. Các hoạt động bất hợp pháp
5. Lãi suất tiền gửi giao dịch
6. Các vụ hoảng loạn ngân hàng
7. Các dòng tiền rút ra dự tính
8. Lãi suất thị trường ( $i$ )

# VAI TRÒ CỦA NHTM ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH CUNG ỨNG TIỀN

---

1. Thay đổi lãi suất tiền gửi giao dịch
2. Thay đổi tỷ lệ dự trữ vượt quá
3. Thay đổi hiệu quả hoạt động của ngân hàng
4. Giảm thiểu những vụ hoảng loạn ngân hàng
5. Quản lý dòng tiền rút ra dự tính

# NHIỆM VỤ TUẦN TIẾP THEO

---

1. Đọc chương 5 học liệu bắt buộc số 1
2. Đọc trang 93 – 100 học liệu bắt buộc số 3
3. Đọc các trang 415 – 418 & trang 514 – 535 học liệu bắt buộc số 2
4. Chuẩn bị các câu hỏi 1 – 4 phần 5 chương 5 học liệu tham khảo số 4 (*Kế hoạch học tập*)
5. Phân công nhóm chuẩn bị thảo luận



# NỘI DUNG SINH VIÊN CHUẨN BỊ

## VẤN ĐỀ 8, CHƯƠNG 4

---

1. Đọc chương 4 học liệu bắt buộc số 1
2. Đọc các trang 442 – 449 & 460 – 479 học liệu bắt buộc số 2
3. Chuẩn bị các câu hỏi của vấn đề 4 & 5 phần 2 chương 4 học liệu tham khảo số 4 (*Kế hoạch học tập*)
4. Phân công nhóm chuẩn bị thảo luận

# BÀI TẬP TẠI LỚP

---

1. Thể hiện những thay đổi trên tài khoản T từ những hoạt động sau của NHTM A
  - NH A nhận khoản tiền gửi giao dịch của ông Nguyễn Văn Ba là 10 triệu đồng
  - NH A mua chứng khoán của NHTW giá trị 50 triệu đồng
  - NH A cho bà Nguyễn Thúy Nga vay 20 triệu đồng
  - NH A gửi vào NH B khoản tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng là 30 triệu đồng
  - NH A vay từ NHTW 40 triệu đồng

# BÀI TẬP TẠI LỚP

2. Nghiên cứu Bảng cân đối của NHTM A dưới đây

Tài sản có	NH A	Tài sản nợ
R + 250 triệu đồng		D + 3500 triệu đồng
CK' + 750 triệu đồng		Tvay + 1300 triệu đồng
Cvay + 4000 triệu đồng		Vốn + 200 triệu đồng

Giải thích những giải pháp NH A phải làm khi:

- a) NHTW yêu cầu vốn tối thiểu là 6% so với tiền cho vay & là 4% trên tổng Tài sản nợ
- b) Tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 10%